

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2018
V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Phương Liên

Ông Vũ Văn Khang

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Hảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Huế G, sinh năm 1972; địa chỉ: Phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị Lệ T, sinh năm 1969; địa chỉ: Phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04/12/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là anh Vũ Huế G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị Lệ T chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, gia đình hai bên không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam và anh G, chị T không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh G và chị T sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm,

lỗi sống, không có tiếng nói chung. Từ năm 2016 cho đến nay, anh G và chị T đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên anh G đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Vũ Thị Lệ T là vợ chồng.

Về việc nuôi con: Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T có hai con chung là Vũ Huệ Anh, sinh ngày 27/5/2001 và Vũ Vũ, sinh ngày 17/02/2004. Ly hôn, anh G đồng ý giao cả hai con chung là Vũ Huệ Anh và Vũ Vũ cho chị T nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh G, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là chị Vũ Thị Lệ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Huế G chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tính cách không phù hợp. Nay, chị T xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên chị đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Vũ Huế G.

Về việc nuôi con: Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T có hai con chung là Vũ Huệ Anh, sinh ngày 27/5/2001 và Vũ Vũ, sinh ngày 17/02/2004. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung là Vũ Huệ Anh, và Vũ Vũ. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh G, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là anh Vũ Huế G có mặt, giữ nguyên quan điểm của anh như đã trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn là chị Vũ Thị Lệ T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến của chị như bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và đồng ý với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, về con chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chị Vũ Thị Lệ T cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn là chị Vũ Thị Lệ T. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ giữa anh G và chị T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh Vũ Huế G vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T. Anh Vũ Huế G đồng ý với yêu cầu của chị T về việc giao cả hai con cho chị T nuôi. Hội đồng xét xử xét: Mâu thuẫn giữa anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên có bất đồng trong quan điểm sống, cả hai đều xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống được. Xét, mâu thuẫn giữa anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T đã đến mức trầm trọng, kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử: Không công nhận anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xét sự thống nhất về nuôi con chung của anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Giao cả hai con chung là Vũ Huệ Anh, sinh ngày 27/5/2001 và Vũ Vũ, sinh ngày 17/02/2004 cho chị Vũ Thị Lệ T trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về việc chia tài sản: Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Vũ Huế G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T.

2. Về việc nuôi con: Giao cả hai con chung là Vũ Huệ Anh, sinh ngày 27/5/2001 và Vũ Vũ, sinh ngày 17/02/2004 cho chị Vũ Thị Lệ T trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Anh Vũ Huế G và chị Vũ Thị Lệ T không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Huế G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011865 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Huế G đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THA dân sự quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng